TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚC YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ- ST
Ngày 22 - 5 - 2018
"V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thịnh.
Bà Nguyễn Thị Kim Luyến

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2018/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 về việc: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961.
Nơi đăng ký HKTT: Tổ X, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.
Hiện trú tại: Tổ X, phường H, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.
2.Bị đơn: Ông Vũ Trọng T, sinh năm 1960.
Trú tại: Tổ X, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 02 tháng 01 năm 2018, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là Bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà và Ông Vũ Trọng T có đăng ký kết hôn năm 1980 tại UBND thị trấn P (cũ) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Do lâu ngày đăng ký kết hôn bị mất, nên ngày 26 tháng 01 năm 2010 bà và ông T có đi đăng ký kết hôn lại tại UBND phường T, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc. Năm 1980 sau khi kết hôn với ông T bà có về chung sống cùng gia đình ông T tại thị trấn P. Bà và ông T chung sống

hạnh phúc đến năm 1990 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do con trai của bà và ông T là cháu Vũ Tuấn A mắc bệnh nặng qua đời năm 1990, còn bà thì bác sỹ bảo không thể mang thai được nữa. Nên từ đó ông T thường xuyên bỏ bê nhà cửa đi chơi, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã căng thẳng. Đến tháng 10 năm 2011 bà và ông T sống ly thân nhau, bà chuyển ra sinh sống tại Tổ X, phường H, thành phố P cùng con gái bà là cháu Vũ Thị Thu T, còn ông T vẫn sinh sống tại Tổ X, phường T, thành phố P cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân bà và ông T không quan tâm gì đến nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng và không có hướng để đoàn tụ. Tháng 10 năm 2017 bà đã từng làm đơn xin ly hôn ông T, Tòa án đã thụ lý vụ án và báo gọi ông T nhiều lần ra làm việc nhưng ông T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Sau đó bà đã có đơn rút đơn khởi kiện xin ly hôn ông T, để xem vợ chồng có cơ hội hàn gắn và đoàn tụ được với nhau không. Sau khi rút đơn ly hôn về, quan hệ vợ chồng bà và ông T vẫn không hằn gắn được, đến tết âm lịch năm 2017 vừa qua bà và ông T vẫn không về đoàn tụ mỗi người ở một nơi. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông T.

Về con chung: Bà xác định vợ chồng có 02 con chung là Vũ Tuấn A, sinh 05 tháng 9 năm 1981 cháu Tuấn A đã chết năm 1990; cháu Vũ Thị Thu T, sinh năm 13 tháng 11 năm 1984, hiện cháu đã thành niên và có gia đình riêng, bà không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết..

Về quan hệ tài sản: Bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Ông Vũ Trọng T, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập nhưng ông T không đến làm việc. Cán bộ Toà án và cán bộ UBND phường T phải đến tận nhà ông T làm việc, nhưng ông T có thái độ bất hợp tác không trình bày quan điểm. Tòa án đã gửi và tống đạt hợp lệ các thông báo phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, các thông báo hòa giải và thông báo về việc thu thập được các tài liệu, chứng cứ cho ông T, nhưng ông T không ra Tòa làm việc.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, các thông báo hòa giải và ông T đều nhận nhưng không ra Tòa làm việc.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử;

Cho Bà Nguyễn Thị M được ly hôn Ông Vũ Trọng T.

Về con chung: Cháu Vũ Thị Thu T, sinh năm 13 tháng 11 năm 1984, đã thành niên và có gia đình riêng không đặt ra xem xét giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có đơn đề nghị.

Bà M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 02 tháng 01 năm 2018 Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961, địa chỉ cư trú: Tổ X, phường H, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc có đơn khởi kiện xin ly hôn Ông Vũ Trọng T, sinh năm 1960, địa chỉ cư trú: Tổ X, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Nên Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên đã thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tống tụng dân sự.

[2] . Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn nghiêm chỉnh chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng bị đơn cố tình vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án, đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét đơn xin ly hôn của Bà Nguyễn Thị M với ông Vũ Trọng T Hội đồng xét xử thấy: Bà M và ông T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 1980 và đăng ký kết hôn lại ngày 26/01/2010 tại UBND phường T, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thời gian đầu Bà M và ông T sống hạnh phúc, đến năm 1990 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Bà M và ông T đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi từ tháng 11 năm 2011 cho đến nay. Tháng 10 năm 2017 Bà M cũng đã làm xin ly hôn ông T, sau đó rút đơn về nhưng hai vợ chồng vẫn không về chung sống với nhau, tết nguyên đán năm 2017 hai ông bà cũng không về ăn tết cùng nhau. Qua xác minh tại địa

phương cho thấy trong quá trình chung sống bà M và ông T thường xuyên xẩy ra mâu thuẫn, Bà M và ông T đã sống ly thân nhau từ tháng 11 năm 2011 cho đến nay.

Ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, các thông báo hòa giải và ông T đều nhận nhưng không ra Tòa làm việc. Như vậy ông T biết việc bà M xin ly hôn, nhưng ông không đến trình bày quan điểm và có thái độ bất hợp tác với Toà án. Từ đó cho thấy ông T không quan tâm đến tâm tư, tình cảm của bà M, quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà M đã mâu thuẫn trầm trọng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà M luôn có quan điểm xin ly hôn ông T, xét thấy tình trạng hôn nhân của bà M và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho bà M được ly hôn ông T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà M và ông T có 02 con chung là Vũ Tuấn A, cháu A đã chết năm 1990; chị Vũ Thị Thu T, sinh ngày 13/11/1984, đã thành niên và có gia đình riêng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử

1. Cho Bà Nguyễn Thị M được ly hôn ông Vũ Trọng T.

2. Về con chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản: Giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn đề nghị.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2016/0003348 ngày 10 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên; bà M đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết!.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân T.P Phúc Yên;
- Thi hành án dân sự T.P Phúc Yên;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thịnh Nguyễn Thị Kim Luyến Lưu Thị Thúy

.